

TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN GIỒNG RIỀNG
TỈNH KIÊN GIANG

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 428/2025/HNGĐ-ST

Ngày: 20/6/2025

V/v: "Tranh chấp ly hôn và nuôi con"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN GIỒNG RIỀNG, TỈNH KIÊN GIANG

- **Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Lữ Cẩm Nhung

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Võ Minh Tuấn;

2. Ông Huỳnh Hoàng Nam.

- **Thư ký phiên tòa:** Ông Trần Văn Lộc- Thư ký Tòa án nhân dân huyện Giồng Riềng, tỉnh Kiên Giang.

Ngày 20 tháng 6 năm 2025, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Giồng Riềng, tỉnh Kiên Giang xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 327/TLST-HNGĐ ngày 28 tháng 4 năm 2025 về việc "Tranh chấp ly hôn và nuôi con" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 247/2025/QĐXX-ST ngày 02 tháng 6 năm 2025, giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Chị **Nguyễn Thị H**, sinh năm 2000

Địa chỉ: ấp S, xã H, huyện C, tỉnh Tây Ninh.

(Chị H có mặt)

Bị đơn: Anh **Trần Văn Đ**, sinh năm 1990

Địa chỉ: ấp N, xã L, huyện G, tỉnh Kiên Giang.

(Anh Đ vắng mặt nhưng có đơn xin vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện ngày 28/3/2025 và trong quá trình giải quyết vụ án cũng như tại phiên tòa nguyên đơn chị Nguyễn Thị H trình bày: Vào năm 2018 chị và anh Trần Văn Đ cùng nhau đi đến hôn nhân, trên cơ sở hôn nhân hoàn toàn tự nguyện, có tổ chức lễ cưới và đăng ký kết hôn tại UBND xã A, huyện C, tỉnh Tây Ninh và được cấp giấy chứng nhận kết hôn ngày 25/02/2019.

Cuộc sống chung vợ chồng lúc đầu hạnh phúc nhưng sau đó thời gian đến năm 2020 thì vợ chồng thường xuyên xảy ra mâu thuẫn, nguyên nhân là do vợ chồng luôn bất đồng quan điểm với nhau trong cuộc sống, thường hay xảy ra cự

cải, không hợp nhau về tính tình và cách sống, vợ chồng không hạnh phúc và đã sống ly thân từ năm 2022 cho đến nay.

Nay chị xét thấy không còn tình cảm với anh Trần Văn Đ nữa nên quyết định ly hôn với anh Trần Văn Đ.

Về con chung: Trong quá trình chung sống chị và anh Trần Văn Đ có 01 người con chung tên Trần Huỳnh Thiên K, sinh ngày 08/11/2018, hiện nay cháu K đang sống cùng chị.

Về tài sản chung và nợ chung: Trong quá trình chung sống vợ chồng chị không có tạo lập tài sản chung nên không yêu cầu Tòa án giải quyết còn về phần nợ thì vợ chồng cũng không có nợ ai nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại phiên tòa, chị Nguyễn Thị H yêu cầu:

- *Về hôn nhân:* Xin ly hôn với anh Trần Văn Đ

- *Về con chung:* Yêu cầu được chăm sóc, nuôi dưỡng con chung tên Trần Huỳnh Thiên K, sinh ngày 08/11/2018 và không yêu cầu anh Đ cấp dưỡng nuôi con.

- *Về tài sản chung:* Không có, không yêu cầu Tòa án xem xét, giải quyết.

- *Về nợ chung:* Không có, không yêu cầu Tòa án xem xét, giải quyết.

Bị đơn anh Trần Văn Đ: Đã được Tòa án đã tổng đạt hợp lệ Thông báo về việc thụ lý vụ án, Thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận công khai chứng cứ và hòa giải, Thông báo hoãn phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận công khai chứng cứ và hòa giải, Quyết định đưa vụ án ra xét xử nhưng anh Đ đều vắng mặt và có đơn xin vắng mặt.

Tại phiên tòa chị H vẫn giữ nguyên yêu cầu xin ly hôn với anh Đ. Anh Đ vắng mặt có đơn xin vắng mặt.

NHẬN ĐỊNH:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, trên cơ sở xem xét đầy đủ và toàn diện chứng cứ, ý kiến của đương sự. Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Nguyên đơn chị Nguyễn Thị H khởi kiện tranh chấp xin ly hôn với bị đơn anh Trần Văn Đ có địa chỉ ấp N, xã L, huyện G, tỉnh Kiên Giang. Căn cứ vào khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015, vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Giồng Riềng, tỉnh Kiên Giang.

Về sự vắng mặt của đương sự: Tòa án nhân dân huyện Giồng Riềng đã triệu tập họp lệ anh Đ tham gia phiên tòa nhưng anh Đ vẫn tiếp tục vắng mặt và có đơn xin vắng mặt và tại phiên tòa nguyên đơn đồng ý xét xử vắng mặt bị đơn nên căn cứ vào Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự, Tòa án xét xử vắng mặt anh Đ là phù hợp theo quy định pháp luật.

[2] Về hôn nhân: Chị H và anh Đ kết hôn trên cơ sở hoàn toàn tự nguyện và có đăng ký kết hôn vào năm 2019 tại cơ quan nhà nước có thẩm quyền nên đây là hôn nhân hợp pháp. Quá trình chung sống đến năm 2020 thì vợ chồng thường xuyên xảy ra mâu thuẫn, theo chị H nguyên nhân mâu thuẫn là do vợ chồng luôn bất đồng quan điểm với nhau trong cuộc sống, thường hay xảy ra cự cãi, không hợp nhau về tính tình và cách sống, vợ chồng không hạnh phúc và đã sống ly thân từ năm 2022 cho đến nay. Quá trình giải quyết vụ án, anh Đ không có mặt theo thông báo để Tòa án tiến hành hòa giải, thể hiện anh không có thiện chí để giải quyết mâu thuẫn vợ chồng và tại phiên tòa hôm nay anh Đ vắng mặt và có đơn xin vắng mặt. Xét thấy mâu thuẫn giữa vợ chồng chị H và anh Đ đã kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được, chị H yêu cầu Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn anh Đ để ổn định cuộc sống. Căn cứ vào Điều 51 và Điều 56 của Luật Hôn nhân và gia đình, chấp nhận yêu cầu ly hôn của chị H, xử cho chị H được ly hôn anh Đ là hoàn toàn phù hợp theo quy định pháp luật.

[3] Về quan hệ con chung: Chị H xác nhận trong thời gian chung sống vợ chồng chị có 01 người con chung tên Trần Huỳnh Thiên K, sinh ngày 08/11/2018. HĐXX xét thấy từ khi vợ chồng chị H và anh Đ sống ly thân với nhau đến nay cháu K do chị H chăm sóc nuôi dưỡng và chị H cũng có nguyện vọng được tiếp tục chăm sóc, nuôi dưỡng cháu Kim đồng T cũng phù hợp theo nguyện vọng của con nên cần tiếp tục giao cháu K cho chị H tiếp tục chăm sóc, nuôi dưỡng đến khi con đủ 18 tuổi là phù hợp theo quy định pháp luật.

Người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

[4] Về cấp dưỡng nuôi con chung: Trong quá trình giải quyết vụ án cũng như tại phiên tòa Tòa án có giải thích cho chị H về quyền yêu cầu cấp dưỡng nuôi con sau khi ly hôn nhưng chị H xác định không yêu cầu anh Đ cấp dưỡng nuôi con, xét thấy việc chị H không yêu cầu cấp dưỡng là hoàn toàn tự nguyện nên HĐXX không xem xét.

[5] Về tài sản chung: Trong quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã triệu tập anh Đ đúng theo quy định pháp luật nhưng vắng mặt và không có văn bản ý kiến nên Tòa án không tiến hành hòa giải, đối chất về tài sản chung giữa chị H và anh Đ được. Hơn nữa chị H xác nhận vợ chồng chị không có tạo lập được tài sản chung nên không yêu cầu Tòa án giải quyết. Do đó, về phần tài sản chung HĐXX không xem xét nếu sau này các đương sự có yêu cầu thì đương sự có quyền khởi kiện bằng vụ án khác theo quy định pháp luật.

[6] Về nợ chung: Chị H cam kết không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên HĐXX không xem xét.

[7] Về án phí dân sự sơ thẩm: Căn cứ Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự và điểm a Khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án thì chị H phải chịu án phí Hôn nhân và gia đình theo quy định pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào:

- Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 147, Điều 228; Điều 266 và Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự;
- Điều 9, Điều 51, Điều 56, Điều 81, Điều 82, Điều 83, Điều 84 Luật hôn nhân và gia đình;
- Điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Cho ly hôn giữa chị Nguyễn Thị H và anh Trần Văn Đ.

2. Về con chung: Giao con chung tên Trần Huỳnh Thiên K, sinh ngày 08/11/2018 cho chị H tiếp tục chăm sóc, nuôi dưỡng cho đến khi con đủ 18 tuổi (Phù hợp theo nguyện vọng của con). Chị H không yêu cầu anh Đ cấp dưỡng nuôi con nên Hội đồng xét xử không xem xét.

Anh Trần Văn Đ có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

3. Về tài sản chung: Chị Nguyễn Thị H xác nhận không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

4. Về nợ chung: Chị Nguyễn Thị H xác nhận không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

5. Về án phí: Chị Nguyễn Thị H phải chịu tiền án phí sơ thẩm là 300.000đ (Ba trăm ngàn đồng) nhưng được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí là 300.000đ (Ba trăm ngàn đồng) đã nộp theo biên lai số 0013229 ngày 28 tháng 4 năm 2025 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Giồng Riềng, tỉnh Kiên Giang; chị H không phải nộp thêm.

“ Trường hợp quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự sửa đổi, bổ sung năm 2014 thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự sửa đổi, bổ sung năm 2014;

Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự sửa đổi, bổ sung năm 2014”.

6. Về quyền kháng cáo: Đương sự có mặt tại phiên tòa có quyền làm đơn kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Đương sự vắng mặt tại phiên tòa có quyền làm đơn kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc được tổng đạt hợp lệ.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Kiên Giang;
- VKSND huyện Giồng Riềng;
- Chi cục THADS huyện Giồng Riềng;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(đã ký)

Lữ Cẩm Nhung